MỘT SỐ BIỆN PHÁP VỀ AN SINH XÃ HỘI CỦA TRIỀU ĐÌNH LÊ -TRỊNH ĐỐI VỚI NÔNG DÂN Ở THẾ KỶ XVII-XVIII

TRẦN THỊ VINH*
NGUYỄN THÀNH LƯƠNG**

Tóm tắt: Trong gần 2 thế kỷ cầm quyền (1593-1787), chính quyền Lê - Trịnh đã có những biện pháp về an sinh xã hội để làm dịu đi những cuộc nổi dậy của nông dân, giúp người dân ổn định cuộc sống, như: miễn giảm thuế tô, dung, điệu; chẩn cấp cho dân khi gặp thiên tai, mất mùa đói kém; thăm hỏi dân lúc khó khăn; ân xá, tha tù, đình hoãn ngục tụng... Triều đình còn quan tâm tới phát triển sản xuất để nâng cao đời sống người dân như cho quan khuyến nông đi khám xét ruộng, đê điều, đốc thúc dân đề phòng lũ lụt, mộ dân khẩn hoang, quy định trách nhiệm của quan lại, xử lý nghiêm hành vi sách nhiễu dân chúng... Những biện pháp về an sinh xã hội mà triều Lê - Trịnh thực hiện trong thế kỷ XVII-XVIII đã góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội lúc bấy giờ cũng như duy trì được thể chế chính trị trong gần 200 năm tồn tại.

Từ khóa: An sinh xã hội, triều đình Lê-Trịnh, thế kỷ XVII-XVIII.

Abstract: During nearly two centuries in power (1593-1787), the Lê-Trịnh regime implemented various social welfare measures aimed at alleviating peasant uprisings and helping the population stabilize their livelihoods. These measures included the reduction and exemption of taxes and corvée obligations; relief assistance for people affected by natural disasters, crop failures, and famine; visits and support for people in times of hardship; amnesties, pardons, and the suspension of imprisonment and litigation. The court also paid attention to the development of agricultural production in order to improve the people's living conditions, such as dispatching agricultural officials to inspect fields and dike systems, urging the populace to prepare against floods, recruiting settlers for land reclamation, stipulating the responsibilities of officials, and strictly punishing acts of harassment and exploitation against the people. The social welfare policies implemented by the Lê-Trịnh regime during the seventeenth and eighteenth centuries contributed to stabilizing the political and social situation of the time, while also helping to maintain.

Keywords: Social welfare, Lê-Trịnh regime, seventeenth-eighteenth centuries.

Ngày nhận bài: 5/9/2025; Ngày phản biện: 25/11/2025; Ngày duyệt đăng: 30/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Sau khi thắng nhà Mạc, tháng 4 năm 1593 nhà Lê trở về đóng đô ở Thăng Long, bắt đầu thời kỳ mới, nhưng trong gần hai thế kỷ tồn tại nhà Lê - Trịnh đã phải đương đầu với biết bao biến động lớn của xã hội. Cuộc chiến Nam - Bắc triều (1533-1592) vừa kết thúc, tuy phần thắng thuộc về nhà Lê - Trịnh, nhưng cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn Trịnh - Nguyễn (1627-1672) lại nổ ra, kéo dài gần nửa thế kỷ, cùng hàng loạt cuộc nổi dậy của quần chúng nhân dân tấn công trực tiếp vào chính quyền Lê - Trịnh khiến triều đình nhiều phen phải lao đao. Để duy trì sự thống trị của mình, nhà Lê - Trịnh đã phải có những biện pháp về an sinh xã hội nhằm cứu vãn tình thế, tuy chỉ mang tính tạm thời chưa giải quyết tận gốc, nhưng dù sao cũng góp phần làm dịu đi những cuộc nổi dậy của nông dân trong suốt thời gian cầm quyền.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu về vấn đề an sinh xã hội trong lịch sử nói chung và "Một số biện pháp về an sinh xã hội của triều đình Lê-Trịnh đối với nông dân ở thế kỷ XVII-XVIII" nói riêng được thực

*PGS.TS. Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam. Email: tranvinhvsh@gmail.com
**TS. Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa. Email: thanhluongtdth@gmail.com

hiện chủ yếu bằng phương pháp luận sử học. Cụ thể là phương pháp lịch sử và phương pháp logic thông qua việc khai thác, phân tích những nguồn sử liệu gốc được ghi trong chính sử (*Đại Việt sử ký toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục, Lịch triều tạp kỷ, Lịch triều hiến chương loại chí, Đại Nam thực lục...)* kết hợp với phương pháp phân tích, so sánh để thấy rõ những việc làm hữu ích của nhà nước Lê - Trịnh đối với nông dân ở thế kỷ XVII-XVIII.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Những biện pháp về an sinh xã hội của triều đình Lê - Trịnh ở thế kỷ XVII

Trong gần 2 thế kỷ cầm quyền của nhà Lê - Trịnh, kể từ năm 1593 đến 1787 đã có hai thời kỳ phong trào nông dân nổ ra mạnh mẽ tấn công vào chính quyền thống trị, đó là phong trào nông dân ở thế kỷ XVII và đặc biệt là phong trào nổi dậy của nông dân ở thế kỷ XVIII.

Xét về quy mô và mức độ, phong trào nông dân thế kỷ XVII chưa lớn và rộng khắp như thế kỷ XVIII. Tuy nhiên, ở thế kỷ XVII, khi phong trào nổ ra còn lẻ tẻ, triều đình Lê - Trịnh đã bắt đầu có những biện pháp về kinh tế, xã hội để làm dịu tình hình, như: ân xá, miễn thuế, chẩn cấp cho dân khi mất mùa đói kém hoặc thăm hỏi dân gian lúc khó khăn....

Sự việc này được sử cũ ghi lại vào thời các chúa Trịnh nắm thực quyền, như thời: Trịnh Tráng (1623-1657), Trịnh Tạc (1657-1682), Trịnh Căn (1682-1709)...

Dưới thời Trịnh Tráng, sử cũ ghi vào tháng 4 năm 1629, trong nước gặp đại hạn, dân bị đói, triều đình đã ban lệnh "đại xá cho cả nước" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 247; Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993: 228). Hay năm 1645, triều đình đã "xá nửa tiền thuế nhân đinh cho cả nước, chỉ thu 5/10" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 254; Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993: 239), mà trước kia thu 7/10. Cũng vào năm này (1645), để bớt gánh nặng cho dân, triều đình còn ra lệnh "cấm các nhà quyền quý và các nha môn cùng quan hai ty không được lấy tiền của các hộ dân xã, quan huyện cũng không được thu lạm tiền của dân. Còn tiền gạo các kỳ tế lễ đều theo xã lớn, xã vừa, xã nhỏ mà đóng theo mức độ khác nhau để bớt phí tổn cho dân" (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993: 239).

Sang thời Trịnh Tạc sử cũ ghi nhiều hơn về thiên tai, mấy năm liền "nào động đất, nào thủy tai, nào sao Bột, sao Chổi, nào hạn hán, hoàng trùng, những việc tai dị luôn sinh ra" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 348), triều đình đã phải đưa ra nhiều biện pháp để an dân, như năm 1663 khi "nước sông Nhị tràn ngập, ruộng lúa phần nhiều bị lụt" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 297), triều đình đã cho "miễn trừ hoặc giảm nhẹ tiền quý, tiền thuế cho dân, chỗ nhiều chỗ ít khác nhau vì cớ có nạn thủy tai" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 302). Sách Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi năm này (1663) triều đình đã "giảm xá tiền thuế đinh cho dân bốn trấn có mức độ khác nhau vì nước lụt tổn hại lúa má" (Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê, 1993: 266). Vào cuối thời Trịnh Tạc (năm 1679), khi đạo Thanh Hoa gặp nạn đói, bị nước tràn ngập, hoàng trùng phá hoại lúa, nhân dân phần nhiều phiêu tán. Triều đình hạ lệnh "xá thuế dân đinh và các thuế tuần ty, thuế bến đò, giảm bớt các sự lệ cúng tế" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 347).

Đến thời Trịnh Căn, thiên tai, đói khổ xảy ra liên tục, triều đình đã phải tăng cường những biện pháp an sinh đối với người dân như cho quan lại thăm hỏi sự đau khổ của dân. Vào tháng 4 năm 1684, chúa Trịnh Căn đã "hạ lệnh cho quan viên có trách nhiệm phải thăm hỏi sự đau khổ ở dân gian" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 354) và có lệnh chỉ rằng: "Thương yêu nhân dân là công việc đứng đầu trong mọi việc chính trị. Nhân dân có người vì quan sở tại hà khắc, bọn quyền quý ức hiếp, có người vì cớ gì đó mà phải phiêu tán đi nơi khác, những hạng người ấy cần được vỗ về thương

yêu mới phải. Bèn hạ lệnh cho ty Hiến sát các xứ đi tuần hành dò hỏi, đến cuối năm sẽ theo tình thật từng loại người làm tờ khải trình bày để tìm phương pháp giúp đỡ cho họ. Lệnh này được ghi vào lệnh chỉ để thi hành" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 454). Trong năm này (1684) lại bị thiên tai "gió lớn, nước tràn dẫy lên, đê sông Nhị bị vỡ, lúa ruộng phần nhiều bị tổn hại" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 354). Năm sau (1685) bị động đất, tháng 10, gãy cây tốc nhà, nước lụt mênh mông, mặt đất nước sâu 4, 5 thước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 356; Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 94). Năm kế tiếp (1687) bị hạn đến mức "đã lâu trời không mưa, thóc lúa thu hoạch sút kém, giá gạo vọt cao", triều đình phải "sai quan trong kinh đi đến các đạo xem xét hình thế ruộng đất, làm xe tát nước để tưới cho ruộng cấy lúa. Lại bàn thi hành việc ân xá" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 357). Sách *Đại Nam thực lục* ghi rõ thịnh tình của chúa đối với người dân rằng "Phàm quan trong triều ngoài quận, chớ gầy dân để nuôi béo nhà, các chức trên phủ dưới châu, dừng bỏ ngay mà làm trái phép. Ngục tụng phải cho công chính, thuế dịch thì nên nhẹ nhàng. Quan lại đã yên lành, nhân dân đều vui nghiệp. Phải nên suy rộng ơn huệ, để được thỏa tình nhân dân" và cho "miễn một nửa thuế ruộng mới tăng cho năm Kỷ Dậu" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 97). Năm 1688, trời vẫn mưa to, nước lụt tràn ngập, mặt đất nước sâu 3 thước (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 98), triều đình đã ra lệnh "ở dân gian, những ruộng còn ẩn lậu chưa ghi vào thể lệ nộp thuế, đều được gia ân miễn thuế" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 357). Năm 1690, đê ở Sơn Nam bị vỡ, triều đình lại ra lệnh "tha giảm thuế cho dân nơi nhiều nơi ít khác nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 364). Năm 1691, khi thấy dân thuộc hai châu Văn Bản và Thủy Vĩ (thuộc Hưng Hóa và Tuyên Quang) bị Vũ Công Tuấn xâm chiếm quấy rối, triều đình còn "hạ lệnh cho quan trấn thủ Tuyên - Hưng chiêu tập dân phiêu lưu" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 365). Năm 1694, dân ở Sơn Nam và Hải Dương bị đói, triều đình "đã phân phối các quan đi khám xét và tha tô thuế, dao dịch cho dân, nơi nhiều nơi ít khác nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 386). Năm sau (1695), Thanh Hoa nước ngập, dân bị đói, triều đình cho "trích một vạn quan tiền ở kho An Trường phát chẩn cho dân. Để cứu vớt dân, triều đình lại hạ lệnh cho các quan châm chước bàn định chính sách cứu đói: giảm nhẹ thuế hộ, hoãn việc xây dựng sửa chữa" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 372). Vào năm 1702, Thanh Hoa lại có nạn thủy tai, nước sông lên cao, đê Thanh Hoa bị vỡ, dân bị đói. Triều đình cho "trích một vạn quan tiền trong kho nội phủ, chia làm 2 phần, một phần chẩn cấp cho nơi nào thóc lúa bị tổn hại, một phần phụ cấp cho dân phu làm công việc hàn lấp khúc đê vỡ. Lại mở kho ở trấn lấy thóc phát chẩn cho dân bị đói. Miễn các ngạch thuế đinh và hộ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 386). Năm 1703, trong nước bị đại hạn, dân bị đói, "triều đình sai quan đi khám xét, xá thuế dung trong năm cho Thanh Hoa, lại trích tiền kho nội phủ chẩn cấp cho dân đói ở Kinh kỳ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 388).

Sử cũ ghi, vào thời gian chúa Trịnh Căn nắm thực quyền, trong nước thiên tai hạn hán xảy ra liên tục, dân nhiều người phải phiêu tán không trở về quê yên phận làm ăn, triều Lê - Trịnh đã phải định rộng niên hạn ân tuất cho dân phiêu tán. Cụ thể vào năm 1707, triều đình đã định niên hạn: "Người phiêu tán sẽ được xá phú thuế và dao dịch trong 5 năm, người trở về mà tình cảnh nghèo khổ sẽ được miễn thuế hộ trong 3 năm" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 394).

Tuy triều đình Lê - Trịnh (vào các đời chúa Trịnh Tráng, Trịnh Tạc, Trịnh Căn nắm thực quyền) đã có những hình thức như trên nhằm cố gắng giải quyết tình hình, nhưng những biện pháp nhỏ giọt đó đã không có tác dụng bao

nhiêu trong việc bù đắp lại những thiệt hại trong dân gian về thiên tai lụt lội, hạn hán, hoàng trùng cùng những nạn đói luôn hoành hành và đặc biệt không giải quyết được vấn đề phiêu tán của nông dân - một trong những nguyên nhân chính dẫn đến những phong trào đấu tranh của nông dân lúc bấy giờ.

3.2. Những biện pháp về an sinh xã hội của triều đình Lê - Trịnh ở thế kỷ XVIII

Sang thế kỷ XVIII, phong trào nông dân tiếp tục nổ ra rầm rộ và rộng khắp chưa từng thấy. Những cuộc khởi nghĩa của nông dân ở thời kỳ này kế tiếp bùng lên từ Bắc vào Nam, phong trào nọ chưa dập tắt phong trào khác đã cuộn dâng, từ phạm vi địa phương đã lan rộng ra toàn quốc. Vào những năm 30 của thế kỷ XVIII, phong trào bắt đầu sục sôi tại những địa phương mà nông dân bị đói nghèo nhất, bị phiêu tán cơ cực nhất, đó là vùng Hải Dương, Hải Phòng.

Năm 1737, khi cuộc khởi nghĩa mở màn cho phong trào nông dân ở thế kỷ XVIII của nhà sư Nguyễn Dương Hưng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 500) chưa chấm dứt thì cuộc khởi nghĩa của Lê Duy Mật (1738-1789) đã đồng thời nổ ra (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 5001). Hai phong trào trên chưa lắng xuống thì phong trào của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Vũ Trác Oánh (1739-1741) (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 509) đã nổ ra ở Hải Dương. Người dân ở những vùng nổ ra phong trào theo về rất đông, chỗ nhiều có đến hơn vạn, chỗ nhỏ cũng đến hàng ngàn, hàng trăm... triều đình không thể nào ngăn cấm được (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 509). Tiếp theo đó, một phong trào có tổ chức hơn, mạnh mẽ hơn do Nguyễn Hữu Cầu lãnh đạo nổ ra vào năm 1741 đến năm 1751. Trong khi Nguyễn Hữu Cầu đang vững vàng ở vùng đồng bằng thì Nguyễn Danh Phương lại hùng cứ ở vùng núi Sơn Tây rồi lan ra vùng Thái Nguyên, Tuyên Quang, kéo dài suốt 10 năm (1740-1751) lấy núi Tam Đảo làm căn cứ. Trong cùng thời gian này, từ Tuyên Quang, phong trào của Hoàng Công Chất đã lan ra vùng Sơn Nam (Nam Định), tràn vào Thanh Hóa, rồi tiến lên vùng Hưng Hóa, kéo dài 30 năm (1740-1769). Tại Thanh Hóa, phong trào của Lê Duy Mật cũng chuyển lên vùng núi phía Tây, xây dựng căn cứ địa vững chắc tại núi Trình Quang để tiếp tục chiến đấu đến năm 1770 mới chấm dứt do sự đàn áp của chính quyền Lê - Trịnh.

Như vậy, trong vòng hơn ba thập kỷ đầu thế kỷ XVIII từ năm 1737 đến năm 1770, phong trào nông dân nổ ra liên tục, mạnh mẽ và rộng lớn ở khắp Đàng Ngoài làm cho chính quyền Lê - Trịnh không kịp trở tay. Trước sức mạnh dồn dập của phong trào nông dân, triều đình Lê - Trịnh một mặt vừa lo đối phó bằng cách điều binh khiển tướng để đàn áp phong trào, một mặt vừa có những biện pháp kinh tế, xã hội nhằm xoa dịu và giảm nhẹ nỗi thống khổ của người dân.

Những biện pháp an sinh mà chính quyền Lê - Trịnh thực thi nhằm giảm nhẹ nỗi thống khổ của quần chúng nhân dân, ổn định trật tự xã hội cũng như hạn chế sự nổi dậy của nông dân không phải chờ đến khi phong trào nổ ra mà đã được thực hiện ngay từ những năm đầu của thế kỷ XVIII khi xã hội vẫn còn yên bình nhưng khi người dân chẳng may gặp thiên tai, đói kém hoặc vấn đề ruộng đất canh tác chưa được ổn định.

Ngay từ năm 1711, Trịnh Cương vừa lên ngôi chúa được 2 năm đã cho "định rõ thể lệ quân cấp ruộng công" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 398) để đem lại quyền lợi, sự công bằng và tiện ích cho người dân, vì trước đó việc quân cấp ruộng công do các quan ở châu, huyện thực hiện "phần nhiều sơ lược không được công bằng". Đến đây triều đình quy định, niên hạn cứ 6 năm quân cấp 1 lần do quan Trưng thu chịu trách nhiệm[1]. Quy định mỗi lần thực hiện quân cấp tuyệt đối không

[1] Quan Trưng thu: Theo thể lệ từ trước, mỗi phủ, huyện đều đặt một viên quan Trưng thu, trông coi việc thu thuế và khuyên nhủ nhân dân làm ruộng, trồng dâu. Đến đây, triều đình lại giao việc đó cho quan Trưng thu, không để quan phủ, huyện làm, nhằm tránh sự mất công bằng trong dân.

được làm ảnh hưởng đến thời vụ làm ruộng của dân. "Ruộng vụ mùa không được cấp sau tháng 3, ruộng vụ chiêm không được cấp sau tháng 9. Cách thức chia ruộng khẩu phân được tính theo số người, xã nào nhiều ruộng công thì tính theo mẫu, xã ít tính theo sào, thước. Đối tượng được cấp không phân biệt sang hèn, trên từ quan viên dưới đến thứ dân kể cả những người quan, quả, cô độc và phế tật" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 398-399; Ngô Cao Lãng, 1995: 171-174).

Khi đã bàn định xong việc quân cấp ruộng công, năm 1716, chúa Trịnh Cương còn định tiếp việc chia đều thuế khóa và tạp dịch thay cho phép "bình lệ" của thời trước, đem lại sự công bằng cho người dân chứ không chỉ để mình dân đinh phải gánh chịu. Kể từ đây, "khi có công việc hoặc đóng góp gì thì nhân đinh và điền mẫu mỗi bên đều phải chịu một phần để cho thuế khóa và lực dịch được đều nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 409).

Đến năm 1719, chúa Trịnh Cương còn cho đo đạc lại toàn bộ ruộng đất trong dân gian để định mức tô thuế cho đúng. Chúa Trịnh Cương cho rằng: "Thương dân thì cần phải thi hành nhân chính, muốn thi hành nhân chính thì cần phải chia đều thuế khóa và dao dịch. Chế độ cũ làm phiền nhiễu dân đinh về việc duyệt tuyển, triều trước rất chán ghét nên mới lập ra phép "bình lệ": Số người đến tuổi ghi tên vào sổ cũng không tính, số người hao hụt đi cũng không miễn trừ. Phép ấy thi hành đến nay đã hơn 50 năm rồi. Trong thời gian ấy số hộ khẩu ở dân, hoặc thêm ra hoặc hụt đi không nhất định, mà nguyên ngạch vẫn theo như cũ, vì thế mà dân đinh phải gánh vác quá nặng, rồi dần dà đi đến lưu tán" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 414-415; Ngô Cao Lãng, 1995: 277-278). Ban lệnh xong Trịnh Cương còn cho họp các bề tôi trong triều bàn "tính kỹ phương pháp để cứu vớt lấy dân và cho đo đạc lại toàn bộ ruộng đất công tư, rồi liệu lượng chia bổ ngạch thuế, để cho người giàu, người nghèo giúp đỡ lẫn nhau, nặng nhẹ gánh vác đều với nhau, định làm phép thường hành mãi mãi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 415). Chúa Trịnh Cương còn nhấn mạnh "đấy là theo thời mà cứu chữa" chứ không phải sinh ý mà thay đổi.

Khi đã đo đạc, quân cấp ruộng đất công, định mức tô thuế cho dân xong, năm 1724, chúa Trịnh Cương mới ra lệnh giảm tô thuế cho dân ở những nơi cần thiết, như: Thanh Hoa là nơi Thang mộc (đất phát tích của nhà Lê), Nghệ An là nơi dân hưởng ứng theo việc nghĩa (theo Lê Trang Tông khởi binh đánh quân Mạc) và Kinh kỳ liền sát dưới xa giá của vua chúa. Ở Thanh Hoa và Nghệ An "tô ruộng được giảm một nửa, thuế thân được miễn trừ. Ở Kinh kỳ thuế tô, dung và điệu đều được giảm bớt khác với tứ trấn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2002: 139). Vào cuối năm này (1724), thấy trời đã lâu không mưa, triều đình còn hạ lệnh "đình chỉ công việc xây dựng, tha thuế bỏ thiếu cho các xứ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 444).

Năm 1725, triều đình lại tiếp tục xá các thuế còn bỏ thiếu cho dân, vì lúc ấy triều đình thấy dân gian điêu tàn xơ xác, thuế tô, dung và điệu phần nhiều bỏ thiếu, nên đã cho phân biệt ra các hạng nghèo khổ và lưu tán, liệu lượng thi hành lệnh hoãn hoặc ân xá. Lại thấy thóc lúa các huyện ở Hải Dương bị hao tổn vì nước mặn tràn ngập, nên lượng tha thuế về vụ mùa hạ nơi nhiều nơi ít khác nhau (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 448). Ngoài ra triều đình còn cho "Tha 5 phần 10 tiền sai dư và 2 phần 10 thuế ruộng trong nước, lại phát tiền kho để thưởng cho quân sĩ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 449).

Tại những vùng xa trung tâm như trấn Cao Bằng, vào thời Vĩnh Thịnh trước đó, quy định về thuế khóa, giao dịch quá phiền hà cho dân, đến đây (năm 1726), chúa Trịnh Cương đã cho "giảm bớt các sở tuần ty và các thuế phụ như thuế đánh vào đầu trâu, thuế nộp hồng quả và thuế vải thổ. Từ đó dân ở bốn châu ở Cao Bằng (Thượng Lang, Hạ Lang, Thạch Lâm và Quảng Yên) mới dần dần được yên nghỉ" (Quốc sử

quán triều Nguyễn, 2007: 456). Vào tháng 12 năm này (1726), chúa Trịnh Cương còn sai Bồi tụng Nguyễn Hiện đến xứ Thanh Hoa "mở kho nhà nước trích lấy 140.000 quan tiền chia phát chẩn cho dân đói" (Ngô Cao Lãng, 1995: 397).

Mặc dù, triều đình Lê - Trịnh đã có những biện pháp cụ thể về kinh tế, xã hội như trên nhằm giảm bớt gánh nặng cho dân, nhưng vào thời kỳ này thiên tai dịch bệnh vẫn thường xuyên xảy ra. Trước những hiểm họa ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống của người dân, triều đình không thể làm ngơ mà đã nhiều lần giảm nhẹ thuế khóa và trích tiền công quỹ trợ giúp dân nghèo.

Năm 1712, sau khi định lệ quân cấp ruộng công được 1 năm, trong nước gặp đại hạn từ tháng 6 đến tháng 12, dân bị đói to, triều đình đã hạ lệnh: "tha các tù tội nhẹ bị giam, hoãn thu các thứ thuế bỏ thiếu đã lâu, giảm một nửa thuế tuần ty và bến đò, đình hoãn việc bắt phu làm việc" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 402).

Sang đầu năm sau (1713), triều đình lại "bàn định thi hành việc phát chẩn và cấp đỡ cho dân". Lý do "trời đã lâu không mưa, giá thóc gạo cao vọt, dân gian có người phải ăn vỏ cây, rễ, cỏ, chết đói đầy đường, làng xóm các nơi tiêu điều hiu quạnh" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 402). Ngay sau đó triều đình "bàn thi hành việc chẩn cấp": "Hạ lệnh cho quan hoặc dân nộp thóc, sẽ lượng theo số thóc mà trao cho chức tước, phẩm hàm, rồi đem số thóc ấy phát chẩn cho dân nghèo. Lại trích tiền kho nội phủ phát chẩn cho dân Kinh kỳ, trích một vạn quan tiền ở kho An Trường cấp đỡ cho dân Thanh Hoa, cân nhắc để xá tô thuế cho dân ở tứ trấn và ở Phụng Thiên, Trường Yên, nơi nhiều nơi ít khác nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 402).

Vào cuối năm 1713, mưa lớn, đê ở các trấn Sơn Tây, Sơn Nam và Thanh Hoa bị vỡ, hàng vạn nhà cửa của dân bị cuốn trôi, dân bị đói, triều đình "hạ lệnh cho các xã dân đều chiếu theo mẫu ruộng và suất đinh trong hộ nộp tiền để thuê người sửa đắp" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 403).

Năm 1721, trong nước bị hạn, giá gạo cao vọt, triều đình hạ lệnh "cho quan và dân, người nào nộp tiền hoặc thóc sẽ được thăng bổ quan chức, để lấy tiền thóc phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 423).

Đặc biệt ở vùng Thanh - Nghệ thường hay xảy ra nạn đói, giá thóc gạo cao vọt. Riêng năm 1726 đã có tới 2 nạn đói ở hai địa phương này. Ở Nghệ An, triều đình đã ra lệnh cho "Trấn ty phát thóc trong kho Vĩnh Khố để chẩn cấp" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 445). Ở Thanh Hoa thì cho "lấy 4 vạn quan tiền ở trong kho để phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 459). Ngay cả việc định phép tô phú ở các xứ Thanh - Nghệ và Kinh kỳ, chúa Trịnh Cương cũng lưu ý tới vùng đất này, vì chúa cho rằng "các xứ Thanh Nghệ là ấp thang mộc[2] và ứng nghĩa[3]. Kinh kỳ là nơi vua chúa ở thuế ruộng và dao dịch thì nên theo lệ nhẹ. Các xứ Thanh Nghệ chỉ tiền điệu là theo như lệ bốn trấn, còn tô ruộng đều được giảm một nửa và thuế dung thì được miễn" (Phan Huy Chú, 1961: 58).

Năm 1727, triều đình Lê - Trịnh lại ra lệnh "tha thuế còn thiếu cho dân các huyện, có thuế thân và thuế thổ sản còn đọng từ trước" (Ngô Cao Lãng, 1995: 399-400).

Năm 1728, Thanh Nghệ và tứ trấn nhiều lần xảy ra bão lụt và đói kém, triều đình đã phải bỏ ra "6 vạn quan tiền trong kho Nội phủ, sai các quan trong Tam ty chia nhau đi phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 463; Ngô Cao Lãng, 1995: 418). Hết bão lụt lại đến hạn hán, cũng năm này Thanh Hoa và Nghệ An lại bị hạn hán trời không mưa, triều đình phải "sai quan chia nhau đi tuần hành, xem xét và rộng tha tiền thuế điệu cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 470). Năm sau (1729), lại

[2] Thang mộc ấp: Nơi quê hương của vua chúa
[3] Ứng nghĩa: Theo việc khởi nghĩa để khôi phục nhà Lê.

bị thủy tai, nhiều vùng bị vỡ đê, triều đình đã phải "sai quan đến tận nơi đốc thúc nhân dân đào sông cho nước lưu thông và mở kho thóc Vị Hoàng chẩn cấp cho dân nơi bị thủy tai. Những ruộng bị ngập triều đình còn cho cấp thóc giống để dân trồng cấy lại. Triều đình còn sai quan khuyến nông chia ra từng đạo để đi khám xét, chia dân lưu vong thành 4 hạng để bàn định việc cứu vớt" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 471).

Vào đời chúa Trịnh Giang (1730 - 1740) là thời kỳ phong trào nông dân bắt đầu nổ ra mạnh mẽ nhất, nhưng ngay trong những năm đầu giữ ngôi chúa (khoảng chục năm trước khi phong trào nông dân bùng nổ), Trịnh Giang đã làm được những việc có ích về an sinh xã hội. Trước kia người ta thường quan niệm và hay lên án Trịnh Giang là người "tối tăm, ươn hèn không gánh vác nổi việc nước" hoặc chỉ ăn chơi không chú ý đến dân sinh để cho phong trào nông dân bùng lên mạnh mẽ hoặc chỉ lo đàn áp phong trào, nhấn chìm phong trào trong bể máu... Nhưng sử cũ đã ghi lại những việc làm an dân ngay từ năm đầu lên ngôi chúa của Trịnh Giang. Năm 1730, vừa lên thay Trịnh Cương nắm giữ cương vị chủ chốt tại triều đình Lê - Trịnh, Trịnh Giang đã nghĩ ngay tới những việc an dân. Chúa Trịnh Giang thấy "việc đặt ra những sở Tuần sát từ các thời kỳ trước mục đích để đề phòng gian trá nhưng việc tra hỏi sách nhiễu của sở Tuần sát lại làm tai hại cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 473). Nên chúa Trịnh Giang đã cho "bỏ bớt hai sở Tuần sát ở trong Kinh kỳ và huyện Thanh Trì. Ở tứ trấn chỉ đặt hai sở Tuần sát. Các sở Tuần sát ở Sơn Nam, Hải Dương và các sở mới đặt đều triệt bỏ đi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 473).

Việc làm tiếp theo cũng ngay trong năm 1730 là chúa Trịnh Giang đã cho giảm bớt thuế tô, thuế điệu ở Tứ trấn và Thanh Nghệ nhiều ít khác nhau để yên lòng dân mà trước kia vào thời Trịnh Cương đã cho đo đạc, khám xét ruộng đất đánh thuế và thu tô cả ruộng tư, "cách làm khắc nghiệt quá chừng" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 474). Đến đây, chúa Trịnh Giang đã cho "giảm một phần thuế ruộng tư và thuế điệu cho dân ở tứ trấn và phủ Trường Yên. Đối với Thanh Hoa và Nghệ An không có đường đê cũng miễn cho tiền thuế điệu, hạng chính đinh được giảm bớt một nửa, hạng hoàng đinh và hạng lão thì nhất luật miễn trừ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 474).

Chúa Trịnh Giang còn có những biện pháp mang lại sự công bằng trong việc gánh vác nghĩa vụ thuế khóa của tất cả người dân trong các làng xã. Trước kia, đối với những người bỏ làng đi trú ngụ ở nơi khác hay những hộ tạp lưu thường không phải thu thuế dung và điệu, đến đây chúa Trịnh Giang đã cho thu cả những đối tượng này vì không làm như vậy "những hộ thực người trong làng thì khốn đốn không có cách gì chống đỡ, mà những hộ trú ngụ thì nhà cửa vững vàng, họ lại được lấy cớ là những người trú ngụ mà trốn tránh dao dịch. Đến đây không kể hộ nào là thực người trong làng, hộ nào là người trú ngụ, cứ tính từng hộ để thu thuế dung. Về hạng tạp lưu, cứ hai người gánh chịu một hộ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 477). Chúa Trịnh Giang làm như vậy cốt để công bằng, tránh tình trạng người phải gánh vác quá nặng, kẻ không đóng góp phần nào, nhằm hạn chế bớt nạn phiêu tán trong dân.

Tuy nhiên, trong thực tế những biện pháp đó chỉ giải quyết được phần nào, tình trạng phiêu tán trong dân gian vào thời gian này đã trở nên trầm trọng. Tính đến năm đầu trị vì (1730) của Trịnh Giang, đã có tới 527 làng phiêu tán (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 477). Chúa Trịnh Giang đã phải cử quan lại xuống xem xét tình hình dân chúng để tìm cách cứu giúp dân ra khỏi tình trạng này. Nguyễn Công Hãng và Lê Anh Tuấn cùng 12 quan lại được cử làm "Chiêu tập sứ, đi tuần hành các quận ấp, xem xét sự lợi hại của dân và nghĩ cách xử trí giúp dân. Triều đình còn ấn định niên hạn: làng nào dân lưu tán

đúng kỳ hạn trở về đông đủ, sẽ được hậu thưởng, làng nào đã hết kỳ hạn mà dân lưu tán chưa trở về yên nghiệp làm ăn sẽ bị phạt nặng" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 477).

Bên cạnh việc cử quan lại làm Chiêu tập sứ đưa dân lưu tán trở về quê yên nghiệp làm ăn, năm 1732, chúa Trịnh Giang còn định bãi việc thu các loại thuế thổ sản được đặt ra từ trước, để tránh tình trạng có người vì phải nộp thuế sơn sống mà đẵn cả cây sơn; vì phải nộp thuế vải lụa mà hủy bỏ khung cửi; thu thuế gỗ thuế nứa mà người ta vứt bỏ cả búa rìu; thu thuế cá thuế tôm mà người ta cất giấu cả vó lưới; đánh thuế mật đỏ mà không ai trồng mía; đánh thuế bông thuế chè mà vườn tược bỏ hoang, thành ra làng xóm tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chồng chất. Nhận thức rõ nỗi khổ của dân vì thuế khóa, chúa Trịnh Giang đã cho "thay đổi lệ cũ và đình bãi thu các loại thuế trên. Từ đấy, người dân đỡ khổ và có phần tiện lợi hơn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 483-484).

Cùng với lệnh bãi thu các loại thuế thổ sản, cũng trong năm này (1732), chúa Trịnh Giang còn ban lệnh tiếp về việc bãi bỏ phép đánh thuế muối (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 489). Vì ở thời kỳ trước, phép đánh thuế muối của triều đình đã gây nhiều phiền nhiễu cho người bán muối và khó khăn cho người mua muối. Người bán muối muốn có môn bài phải sắm lễ vật trọng hậu nộp cho viên giám đương và tiến dâng phủ chúa. Để bù đắp vào những chi phí ấy cộng với thuế muối, người bán muối buộc phải tăng giá muối. Có lúc một đấu muối trị giá đến một tiền. Muối ăn ở dân gian càng thêm khó khăn nên Trịnh Giang đã cho bãi bỏ phép thu thuế muối tạo thuận lợi cho người dân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 489).

Ở những vùng bị giá gạo cao như Thanh Hoa, để tạo điều kiện cho dân vận chuyển thóc gạo đi bán được dễ dàng, năm 1733, chúa Trịnh Giang còn cho "xá 2 tháng thuế về quan ải và bến sông cho những người vận chở thóc gạo để dân được tiện lợi" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 490).

Vùng Sơn Nam từ khi trải qua thủy tai, nhân dân nhiều người phiêu tán, Trịnh Giang còn cử Thượng thư Nguyễn Hiệu "đi khám điểm số dân đinh từng nhà, tùy theo số dân nhiều hay ít, cho giảm bớt số hộ khẩu" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 493).

Vào cuối đời chúa Trịnh Giang, năm 1739, trộm cướp nổi lên ngày một nhiều, dân gian náo động (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 505), Trịnh Giang đã phải bàn định "thi hành ân xá rộng rãi để phủ dụ dân, xá 2/10 thuế tô và dung cho cả nước, xá tiền nhà trạm và cửa đình cho Thanh Nghệ và những người còn thiếu chưa nộp tiền để chuộc tội ở ngoại trấn và tứ trấn cũng đều được miễn xá" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 505-506).

Đến thời chúa Trịnh Doanh nắm thực quyền (1740-1767), tuy bận rộn nhiều trong việc phải đối phó với phong trào nông dân đang nổi lên rầm rộ khắp nơi ở Đàng Ngoài, nhưng chúa Trịnh Doanh vẫn chú ý đến những biện pháp an sinh xã hội để làm yên lòng dân. Vào những năm đầu lên ngôi chúa, trong nước liên tục bị đói kém, chúa Trịnh Doanh cùng triều đình Lê - Trịnh đã phải nhiều lần ban lệnh chẩn cấp, ân xá... cho dân.

Vào tháng 3 năm 1741, lúc dân Hải Dương gặp nạn đói, triều đình đã hạ lệnh "trích số thóc đong ở Sơn Nam lấy 10 vạn bát quan phát chẩn cho dân nghèo" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 544). Ngoài ra, triều đình còn ban bố 4 điều răn cho dân trong kinh và ngoài các trấn, gồm: 1. Các thuyền buôn thóc gạo được thông hành mua bán, miễn cho việc nộp thuế. 2. Miễn tiền lễ tạ, tiền khám xét cho dân nghèo bị kiện. 3. Tôi tớ những nhà quyền quý không được thuận tiện đến nhà dân. 4. Không có chỉ bài cấp phát không được trái phép bắt dân làm việc chuyển đệ văn thư. Những điều răn này được phát lệnh từ triều đình nhằm hạn chế sự nhũng lạm của cường hào đem lại lợi ích cho dân nghèo.

Đến tháng 5 năm 1741, dân vùng Đông Bắc lại bị nạn đói, triều đình đã hạ lệnh "trích gạo công nấu cơm, cháo để phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 547). Triều đình còn khuyến khích dân ở nơi khác "vận chuyển thóc gạo đến bán hoặc nộp để phát chẩn cho dân đói sẽ được trao quan chức" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 548). Vì ngay từ cuối đời Vĩnh Hựu (1735-1740) "trộm giặc ở các nơi nổi dậy, nhất là vùng Hải Dương, dân gian bỏ cả cày cấy, các thứ tích trữ hầu như hết sạch, chỉ có vùng Sơn Nam hơi khá một chút. Dân phiêu tán dắt díu nhau đi kiếm ăn đầy đường. Giá gạo cao vọt, một trăm đồng tiền không được một bữa no. Nhân dân phần nhiều phải ăn rau, ăn củ, đến nỗi ăn cả thịt rắn, thịt chuột, chết đói chồng chất lên nhau, số dân còn lại mười phần không được một. Làng nào vốn có tiếng trù mật cũng chỉ còn lại năm ba hộ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 551-552).

Vì nạn đói vẫn luôn xảy ra, nhân dân phần nhiều phiêu tán, triều đình lại hạ lệnh "lấy thóc trong kho chia ra phát chẩn cho dân phiêu tán ở tứ trấn, trong Kinh kỳ cũng 10 ngày phát chẩn 1 lần (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 551).

Vào tháng 10 năm 1741, triều đình còn cử Tham tụng Nguyễn Quý Cảnh và Vũ Công Tể làm chiêu phủ sứ các lộ. Hai viên quan này đã chia nhau đi các lộ, khuyên dân làm ruộng, trồng dâu, chiêu tập dân phiêu tán, mộ người làm ruộng, khai khẩn đất bỏ hoang, vì lúc ấy, làng xóm tiêu điều tan tác, nhân dân phiêu tán có đến 1.730 làng loại phiêu tán nhiều và 1.961 làng loại phiêu tán vừa (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 553).

Do thiên tai, đói kém xảy ra liên tục, nên ngay cuối năm 1741, khi vừa lên ngôi chúa, Trịnh Doanh cùng triều đình Lê - Trịnh đã phải thực hiện ân xá, hạ chiếu "tha thuế tô, thuế dung cho các lộ, triệt bỏ những sở tuần ty trái ngạch, cấm tố cáo xằng bậy bắt bớ những người trước theo khởi nghĩa nay đã theo lệnh trở về" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 554).

Sang năm 1742, Thanh Hoa lại bị đói, một uyển gạo trị giá 1 tiền. Triều đình lại phải hạ lệnh cho các quan Tam ty (Đô ty, Thừa ty, Hiến ty) "trích lấy 5 vạn bát quan thóc, chia nhau đi phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 555). Khi ấy trong nước luôn mất mùa, đói kém, sự chi dùng không đủ, nên triều đình Lê - Trịnh còn cho giảm bớt lễ cúng tế thường và đình hoãn việc xét hỏi tạp tụng tại Thanh Hoa, vì cớ quan lại thừa hành thường bắt bớ, khám xét, làm phiền nhiễu nhân dân (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 558-559).

Ngoài những biện pháp cứu tế, phát chẩn cho dân khi thiên tai, đói kém, triều đình Lê - Trịnh còn cho tha bỏ các loại thuế Tuần ty đặt ra trước kia có phần làm phiền nhiễu cho dân. Chúa Trịnh Doanh nói về điều này rằng: "Chính sách của vương giả ngày trước, chỗ họp chợ ở nơi quan ải chỉ xét hỏi người lạ mặt mà không đánh thuế. Nay, sau khi binh lửa, đồ ăn thức uống của dân thiếu thốn, muốn được đủ dùng, chỉ nhờ vào sự buôn bán vận chuyển nơi có đến nơi không mà thôi. Bèn bãi bỏ thuế Tuần ty cho các lộ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 565). Sau đó, vào năm 1758, triều đình còn ra lệnh cấm các sở Tuần ty không được hà khắc nhũng nhiễu người buôn bán (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 637).

Những lúc phong trào nông dân nổ ra mạnh mẽ, việc thu lương, bắt lính của triều đình thường làm phiền nhiễu đến dân, nhất là vùng gần Kinh kỳ (các lộ Thường Tín, Ứng Thiên, Quốc Oai, Thuận An), dân rất khổ về sự cung đốn, nên năm 1749, triều đình đã "đặc ân miễn tiền thuế điệu và thuế thiếu các năm trước". Cũng trong năm này, trong nước có thủy tai, triều đình đã hạ lệnh cho dân phu bồi đắp và cho "hoãn thu tiền gia tô" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 598).

Đến năm 1753, triều đình còn cho miễn thuế thủy sản ở các đạo, vì thuế thủy sản phần nhiều không phải là ngạch cũ, có loại thuế chỉ đặt ra trong nhất thời, nhưng quan sở tại thì đốc thúc thu, làm cho dân đau khổ không sao kể xiết. Triều đình biết tình tệ ấy, nên hạ lệnh tha cho (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 621). Cũng trong năm này, trong nước gặp thủy tai, ba xứ Đông, Nam, Bắc, thóc lúa bị mất, dân bị đói. Triều đình lại "hạ lệnh miễn tiền gia tô" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 622). Năm sau (1754), dân Cao Bằng cũng bị đói, triều đình cũng hạ lệnh "xuất 300 lạng bạc trong kho nội phủ phát chẩn cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 625). Vào tháng 8 năm này, nước dâng cao làm đê xã Bộ Đầu và Võng Xuyên bị vỡ, dân cư và ruộng lúa phần nhiều bị ngập lụt. Triều đình đã hạ lệnh cho ty Hiến sát "khám xét thực trạng và bàn định thi hành phát chẩn cứu đói" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 626).

Sang năm 1755, trong nước lại bị hạn hán, triều đình phải "cho hoãn tiền thuế bỏ thiếu, lại hạ lệnh giảm thuế ruộng công, ruộng tư cho Nghệ An, ở tứ trấn nơi nào còn thiếu tiền gia tô đều được miễn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 628).

Đến năm 1758, trong nước vẫn bị hạn hán kéo dài, lúa mạ khô héo, giá gạo cao vọt. Triều đình phải hạ lệnh "miễn tiền gia tô và tiền chuộc tội còn bỏ thiếu từ lâu, triệt bỏ sở Tuần ty nhánh ở các lộ" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 638), bắt Tuần ty thu thuế phải chiếu theo lệ... để nâng đỡ dân gian.

Sang năm 1759, vào tháng 2, dân Thanh Hoa và Nghệ An lại bị nạn đói, triều đình đã cho "quan trong triều đến tận nơi thăm hỏi rồi cùng với quan lại ở trấn lấy tiền thông kinh và mộ nhà giàu nộp của để phát chẩn cho dân. Còn dân phiêu tán ở hai xứ này nếu có người nào đến kiếm ăn ở Tứ trấn, sẽ đem tiền gạo chẩn cấp cho" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 639). Đến tháng 5, trong nước lại bị hạn hán, triều đình đã ban bố cách thức chế xe nước cho dân làm theo để lấy nước vào ruộng và triều đình lại cho "phát thóc công chẩn cấp cho dân. Dân nội trấn và ngoại trấn đều được đình hoãn việc khám xét ngục tụng" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 640).

Năm 1760, vào tháng 9, Thanh Hoa lại bị thủy tai, dân phải khổ vì nước lụt, triều đình đã hạ lệnh cho Tam ty "thăm hỏi vỗ về nhân dân, hoãn việc nã bắt, đốc thúc, đưa đón. Chúa Trịnh Doanh đã chuẩn y việc cứu đói cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 643).

Năm 1761, trong nước lại gặp hạn hán, triều đình đã cho ty Thừa chính và Hiến sát đi "xét hỏi công việc nên làm để mở mang điều lợi, trừ bỏ điều hại ở dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 645).

Vào năm 1766, các huyện ở hạt Kinh Bắc nước sông lên to, đê bị vỡ, ruộng nương nhà cửa bị ngập lụt, triều đình đã phải hạ lệnh cho "quan trong kinh thành đi hộ đê và lại cho đình hoãn việc khám xét kiện tụng, nơi bị vỡ đê tổn hại đều được liệu lượng phát chẩn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 661-662).

Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm lên thay (1767-1782) cũng là vị chúa không quên và không sao nhãng những việc làm để yên ổn phần nào cuộc sống của người dân. Ngay năm đầu lên ngôi chúa (1767), Trịnh Sâm đã ban lệnh ân xá. Sử cũ ghi: Trịnh Sâm mới nối ngôi, muốn gia ơn cho trong nước để nhân dân vui lòng. Lúc ấy mưa dầm mãi không tạnh, bèn hạ lệnh: "miễn thuế tô, thuế dung cho hai xứ Thanh và Nghệ; miễn năm phần mười (5/10) thuế gia tô cho tứ trấn; miễn hai phần mười (2/10) thuế tô, dung và điệu cho ngoại trấn; lại tha tiền thuế thiếu các năm trước và tiền chuộc tội cho dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 670).

Trịnh Sâm còn hạ lệnh cho quan viên ở các phủ huyện đến tâu bày tình trạng nghèo đói phiêu tán và đau khổ của dân trong hạt. Lại sai

các viên quan trong ty Hiến sát sứ đi "khám xét ruộng bỏ hoang không cày cấy ở dân gian và dò hỏi sự tệ hại uất ức của dân sở tại, tâu bày để triều đình biết. Rồi tha thuế tô cho những nơi thiệt hại từ bốn phần trở lên. Về chính tô và gia tô được tha, tiền hơn 1 vạn 4 ngàn quan, thóc hơn 3 ngàn sọt. Những thuế bỏ thiếu từ năm Kỷ Mão (1759) về trước đều được tha cả" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 672-673).

Năm sau (1768), trong nước lại gặp hạn, dân bị đói lớn. Tại Nghệ An và các trấn Kinh Bắc, Sơn Tây, Sơn Nam, giá gạo cao vọt, nhân dân đói khổ, một trăm đồng tiền không đủ một bữa no. Trịnh Sâm lấy làm lo đã triệu bề tôi bàn định chính sách cứu đói. Hạ lệnh cho quan trấn Nghệ An "vận động dân trong hạt, ai nộp thóc sẽ được trao quan chức, lấy số thóc đó phát chẩn cho dân nghèo. Ty Hiến sát ở các trấn thì phải đi dò hỏi sự đau khổ của dân gian, cấm các tuần ty và bến đò đánh thuế ngang trái. Do đấy, việc buôn bán trao đổi không bị đình trệ, giá gạo dần dần giảm xuống" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 681).

Vào năm 1774, Nghệ An bị đói, dân nhiều người chết, triều đình đã hạ lệnh cho các quan bàn định thi hành việc phát chẩn, việc cứu giúp. Đem số tiền nhà giàu nộp phát chẩn cho dân, tha các thuế tuần ty trong hạt để buôn bán được lưu thông, khoan dung việc bắt lính trốn, đình hoãn bắt xét các kiện tụng. Hạ lệnh cho các ty Hiến sát đi dò hỏi tỉ mỉ về sự đau khổ của dân, trình bày lên triều đình (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 709).

Năm 1776, Trịnh Sâm còn cho xá tô ruộng ở vùng ven biển Sơn Nam, Hải Dương và Yên Quảng (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 726), vì gió bão quá mạnh, nước biển dâng cao, ruộng lúa bị ngập nát. Cũng vào năm này, trong nước gặp hạn hán, ruộng chiêm khô nẻ, công việc làm ruộng không được tiện lợi, mất mùa, dân bị đói, giá gạo cao. Người sang trọng phải nhòm từng cửa để xin làm thuê hoặc vay mượn mà cũng không đắt, họp nhau ăn cắp ăn trộm, nhân dân không yên nghiệp làm ăn. Nên vào cuối năm, Trịnh Sâm phải làm lễ cầu đảo và đã hạ chiếu tha cho các lộ tiền thuế còn bỏ thiếu từ năm Đinh Hợi (1767) đến năm Tân Mão (1771), lại tha tiền thuế điệu năm kế tiếp cho dân ở ven đường và đình hoãn mọi công việc đắp đê, đào sông... (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 731-732).

Lúc ấy, ở Nghệ An suốt mấy năm liền, vẫn xảy ra mất mùa đói kém, thây chết nối liền nhau, vào năm Đinh Dậu (1777), triều đình đã phải hạ lệnh "trích 15.000 quan tiền và 15 vạn bát quan thóc trong kho, chia ra để phát chẩn" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 735). Trịnh Sâm và triều đình còn đồng ý cho thực hiện 4 điều về chính sách cứu đói, là: 1. Dời dân đói đến Thanh Hoa khai khẩn ruộng đất. 2. Mở cửa biển cho các thuyền buôn vận tải. 3. Mở đường châu Quy Hợp cho phép dân được thông hành buôn bán. 4. Cho phép thuyền buôn chở gạo đến trao đổi và được miễn thuế (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 735).

Sau khi trấn Thuận Hóa và Quảng Nam đã yên ổn, để yên lòng, dân Trịnh Sâm còn hạ lệnh cho "miễn các thuế thổ sản còn bỏ thiếu từ năm Ất Mùi (1775) trở về trước cho Thanh Hoa và Nghệ An. Miễn tiền thuế điệu năm 1777 cho Tứ trấn, nếu người nào nộp rồi sẽ được trừ vào thuế vụ xuân năm sau. Lại thưởng tiền cho các quân lính trong Kinh và ngoài trấn nhiều ít khác nhau" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 736).

Mặc dù nhà nước có nhiều biện pháp cứu trợ xã hội, nhưng tình hình đói kém vẫn xảy ra, những thứ tích trữ trong dân gian hầu như nhẵn nhụi, hạn hán mất mùa vẫn tăng lên, giá gạo cao vọt, một chén nhỏ gạo trị giá 1 tiền, đầy đường những thây chết đói. Vào năm 1778, triều đình đã phải "lập đàn tràng cầu đảo ở Kinh thành, dựng quán tế sinh ở thôn Ái Mộ, nấu cơm cháo chia ra phát chẩn, người có bệnh thì cấp cho thuốc thang" (Quốc sử quán triều

Nguyễn, 2007: 741). Trịnh Sâm là một vị chúa rất lo cho dân và đã nhiều lần lưu tâm đến dân lưu tán. Sử cũ ghi: Lúc ấy "Dân phiêu tán dắt nhau đi kiếm ăn không trông vào đâu được. Chúa cho dựng quán họp các dân phiêu bạt lại, hàng ngày phát gạo nấu cháo cho ăn" (Sử thần triều Lê-Trịnh, 1982: 432). Dân đã khổ vì thiên tai, đói kém, lại bị quan lại ức hiếp nên năm 1779, Trịnh Sâm còn hạ lệnh cho quan Phủ Doãn và Hiến sát sứ "đi tuần hành xét hỏi các nha môn và những người quyền quý về việc ức hiếp những nhiễu nhân dân" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 746).

Ngoài những biện pháp cứu tế xã hội như xá thuế, thăm hỏi, chẩn cấp cho dân khi thiên tai, mất mùa, đói kém, triều đình Lê - Trịnh còn quan tâm tới việc phát triển sản xuất trong nhân dân, như cho quan khuyến nông đi xem xét ruộng nương, khám xét đê điều, đốc thúc dân đề phòng lũ lụt, mộ dân khai khẩn ruộng hoang... Ví dụ vào những năm cuối đời, Trịnh Sâm còn "hạ lệnh cho các trấn mộ dân khai khẩn ruộng bỏ hoang, mỗi người được nhận 5 mẫu ruộng, nhà nước cấp cho ngưu canh, điền khí và 15 quan tiền" (Quốc sử quán triều Nguyễn, 2007: 729).

Tất cả những việc làm như trên của triều đình Lê - Trịnh không ngoài mục đích mưu cầu nhân sinh kế quốc, không ngoài dụng ý dân có yên thì nước mới ổn. Mặc dù những việc làm về an sinh xã hội của triều đình Lê - Trịnh trong thời gian cầm quyền (thế kỷ XVII-XVIII) không nằm ngoài mục đích là hạn chế sự nổi dậy của các phong trào nông dân đang tấn công trực tiếp vào chính quyền thống trị, nhưng dù sao những biện pháp mà nhà Lê - Trịnh đã làm trong suốt thời kỳ phong trào nông dân nổ ra đến khi bị dập tắt đều là những biện pháp hữu ích, góp phần ổn định tình hình chính trị, xã hội lúc bấy giờ.

4. Kết luận

Trong bối cảnh xã hội bất ổn cùng với sự bùng nổ mạnh mẽ của phong trào nông dân như ở thế kỷ XVII-XVIII, nếu triều đình Lê - Trịnh không kịp thời có những biện pháp kinh tế xã hội, cứu tế an sinh cho người dân như vừa nêu ở trên mà chỉ chú trọng tới việc đàn áp phong trào thì tình hình chắc sẽ khác và chính quyền thống trị chưa chắc đã duy trì được gần hai trăm năm. Đó là những việc làm cần thiết đối với nông dân mà triều đình Lê - Trịnh đã nhận thức được trong quá trình trị nước của mình.

Tài liệu tham khảo

Ngô Cao Lãng. (1995). *Lịch triều tạp kỷ*. Bản dịch Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Lê. (1993). *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập III. Bản in Nội các quan bản. Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697). Dịch và chú thích: Hoàng Văn Lâu, Ngô Thế Long, hiệu đính: Hà Văn Tấn. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.

Phan Huy Chú. (1961). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập III. Tổ phiên dịch Viện Sử học, phiên dịch và chú giải. Hà Nội: Nxb. Sử học.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2002). *Đại Nam thực lục*. Tập I. Bản dịch Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Quốc sử quán triều Nguyễn. (2007). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập II. Bản dịch Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

Sử thần triều Lê-Trịnh. (1982). *Đại Việt sử ký toàn thư* (Bản kỷ tục biên). Bản dịch Viện Sử học. Hà Nội: Nxb. Khoa học xã hội.